

Số: 1806 /KSBT-SKMT&YTTH
V/v thông báo kết quả giám sát chất lượng
nước sạch tại TCN Đồn Thủy, tháng 6/2025

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2025

Kính gửi: Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội.

Thực hiện công văn số 1152/KSBT-SKMT&YTTH ngày 13/5/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội về việc giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt đợt I năm 2025, ngày 25/6/2025, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội đã giám sát vệ sinh, ngoại kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại Trạm cấp nước Đồn Thủy thuộc Công ty Cổ phần sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội. Kết quả như sau:

1. Thông tin chung

Đơn vị báo cáo:

- Trạm cấp nước Đồn Thủy (TCN) sử dụng nguồn nước nguyên liệu là nước ngầm, công suất thiết kế 12.000m³/ngày đêm, sản lượng 9.000m³/ngày đêm.
- TCN cung cấp nước sạch chủ yếu cho địa bàn phường Phan Chu Trinh và một số khu vực lân cận thuộc quận Hoàn Kiếm, với khoảng 8.000 đồng hồ.

2. Hồ sơ theo dõi, quản lý về chất lượng nước sạch và công tác nội kiểm chất lượng nước

2.1. Hồ sơ theo dõi về chất lượng nước sạch

- Đơn vị thử nghiệm chất lượng nước nguyên liệu định kỳ hằng năm; thử nghiệm lần gần nhất ngày 02/6/2025 và ngày 2/12/2024 đối với 4 mẫu nước tại 4/4 giếng khai thác về 41/41 thông số theo QCVN 09:2023/BTNMT.
- TCN có sổ theo dõi việc lưu mẫu nước.
- Hóa chất sử dụng trong quá trình xử lý nước (Clo lỏng, FeCl₂ 30%): có hồ sơ nhập và sổ theo dõi sử dụng hóa chất.
- TCN có biên bản nghiệm thu thau rửa bể chứa nước thành phẩm, đơn vị báo cáo lần thau rửa bể gần nhất ngày 11/01/2025.

2.2. Công tác nội kiểm chất lượng nước

Đơn vị đã thực hiện nội kiểm chất lượng nước sạch theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT đủ thông số, tần suất và số mẫu theo quy định. Cụ thể:

- Thông số nhóm A: nội kiểm 8/8 thông số hằng tháng, mỗi lần nội kiểm lấy 8 - 9 mẫu nước (bao gồm 1 mẫu tại TCN và 7 - 8 mẫu trên mạng lưới đường ống phân phối); nội kiểm lần gần nhất ngày 02/6/2025 đối với 9 mẫu nước. Kết quả: 9/9 mẫu nước đạt quy chuẩn.
- Thông số nhóm B: nội kiểm 91/91 thông số đủ tần suất 6 tháng/lần, mỗi lần nội kiểm lấy 4 mẫu nước (bao gồm 1 mẫu tại trạm và 3 mẫu trên mạng lưới đường ống phân phối); nội kiểm lần gần nhất ngày 02/6/2025 đối với 4 mẫu nước. Kết quả: 4/4 mẫu nước đạt quy chuẩn.

2.3. Việc thực hiện thông tin, báo cáo chất lượng nước

TCN đã thực hiện công khai thông tin về chất lượng nước trên trang thông tin điện tử của đơn vị, thực hiện báo cáo kết quả thử nghiệm chất lượng nước theo quy định.

3. Kết quả giám sát vệ sinh chung

- Khu vực ngoại cảnh và khu vực xử lý nước đảm bảo vệ sinh; nắp bể chứa nước thành phẩm kín.

- Hóa chất sử dụng trong quá trình xử lý nước: có đủ nhãn.

4. Kết quả ngoại kiểm chất lượng nước (Phiếu kết quả thử nghiệm đính kèm)

- Số lượng mẫu: Lấy 3 mẫu nước thành phẩm, bao gồm 1 mẫu sau bơm từ bể chứa nước thành phẩm của trạm ra mạng lưới đường ống phân phối; 2 mẫu nước trên mạng lưới đường ống phân phối tại vị trí ngay sau đồng hồ cấp cho 2 hộ gia đình: hộ Phạm Minh Trí, số 1C Đặng Thái Thân, quận Hoàn Kiếm và hộ Nguyễn Diệu Linh, số 23 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm).

- Thông số thử nghiệm: 18 thông số thử nghiệm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT: Màu sắc, Mùi vị, Độ đục, pH, Amoni, chỉ số Pecmanganat, Chloride, Độ cứng, Sắt, Mangan, Sunphat, Nitrit, Nitrat, Clor dư tự do, Coliforms, Escherichia coli, Pseudomonas aeruginosa, Staphylococcus aureus.

- Kết quả thử nghiệm: 3/3 mẫu đạt quy chuẩn.

5. Đề nghị

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội đề nghị Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội chỉ đạo TCN Đoàn Thủy thực hiện các nội dung sau:

- Đảm bảo chất lượng nước cung cấp đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt hiện hành.

- Tiếp tục thực hiện nội kiểm chất lượng nước sạch đủ thông số, tần suất và số mẫu; thực hiện chế độ công khai thông tin, báo cáo kết quả thử nghiệm chất lượng nước sạch và các nội dung khác theo đúng quy định tại Văn bản hợp nhất Thông tư số 05/VBHN-BYT ngày 06/6/2022 của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt có hiệu lực đến ngày 30/6/2025, Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt có hiệu lực từ ngày 01/7/2025. /

Địa chỉ liên hệ: Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội - 70 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.

Điện thoại: 0243.7730.176. Email: gsnuochanoi@gmail.com

Nơi nhận:

- Như trên (để th/hiện);
 - Sở Y tế HN
 - Sở Xây dựng HN
 - Sở NN&MT HN
 - GĐ TTKSBT TPHN
 - Lưu: VT, SKMT-YTTH.
- (để b/cáo);
Thu Hà



Nguyễn Thị Kiều Anh



VILAS 595

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.25.152 VSC

1. Tên mẫu/Name of sample

Mẫu nước tại vòi sau bơm từ bể chứa nước thành phẩm ra mạng lưới đường ống phân phối của Trạm cấp nước Đồng Thủy, số 8C Đình Công Tráng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

2. Tên/địa chỉ khách hàng

Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội

Name/Address of customer

70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

3. Mô tả mẫu/Sample description

Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL

4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving sample

25/06/2025

5. Người lấy/gửi mẫu/The personnel performing/sending sample(s)

Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học

6. Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates of testing activities

25/06 - 26/06/2025

7. Kết quả thử nghiệm/Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	≤ 15
2	Mùi, vị	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		6,8	6,0 – 8,5
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,04	≤ 0,3
6	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	1,6	≤ 2
7	Chloride (Cl ⁻) (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	15,6	≤ 250
8	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	140	≤ 300
9	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
10	Mangan (Mn) (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,1
11	Sunphat (*)	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ E	mg/L	12,6	≤ 250
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,02	≤ 0,05
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	1,0	≤ 2
14	Clor dư tự do	TCVN 6225:2011	mg/L	0,8	0,2-1,0

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Trần Văn An

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

- (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only,
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nội/ The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/ Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/ This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
- (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.25.152 VSC

1. Tên mẫu:
Name of sample
Mẫu nước tại vòi sau bơm từ bể chứa nước thành phẩm ra mạng lưới đường ống phân phối của Trạm cấp nước Đồn Thủy, số 8C Đình Công Tráng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
2. Tên/địa chỉ khách hàng:
Name/Address of customer
Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
3. Mô tả mẫu:
Sample description
Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
4. Ngày nhận mẫu:
Date of receiving sample
25/06/2025
5. Người lấy/gửi mẫu:
Sample taking
Khoa sức khỏe môi trường - Y tế trường học
6. Ngày thực hiện thử nghiệm:
The dates of testing activities
25/06/2025 - 30/06/2025
7. Kết quả thử nghiệm:
Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<3
2	Escherichia coli *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<1
3	Pseudomonas aeruginosa *	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	0	<1
4	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B	CFU/100mL	0	<1

8. Nhận xét:
Remarks

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Đông

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2025/Hanoi, June 30, 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM DÒ CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HANOI DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
HANOI CENTER FOR DISEASE CONTROL

Địa chỉ/Address: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
Tel: 0243.773.0178 Email: khoa_xet_nghiem.ytdphn@gmail.com



VILAS 595

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.25.150 VSC

1. Tên mẫu/Name of sample

Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Trạm cấp nước Đồn Thủy tại vị trí sau đồng hồ cấp cho hộ Phạm Minh Trí, địa chỉ 1C Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

2. Tên/địa chỉ khách hàng
Name/Address of customer

Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

3. Mô tả mẫu/Sample description

Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL

4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample

25/06/2025

5. Người lấy/gửi mẫu/ The personnel performing/sending sample(s)

Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học

6. Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates of testing activities

25/06 - 30/06/2025

7. Kết quả thử nghiệm/Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	≤ 15
2	Mùi, vị	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	Orbco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		6,8	6,0 – 8,5
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,04	≤ 0,3
6	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	1,6	≤ 2
7	Chloride (Cl ⁻) (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	14,9	≤ 250
8	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	120	≤ 300
9	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
10	Mangan (Mn) (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,1
11	Sunphat (*)	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ E	mg/L	<10	≤ 250
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,02	≤ 0,05
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,8	≤ 2
14	Clor dư tự do	TCVN 6225:2011	mg/L	0,7	0,2-1,0

Hà Nội, 30 tháng 06 năm 2025/ Hanoi, June 30, 2025

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING



ThS. Trần Văn An

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng

PHÓ GIÁM ĐỐC

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s)
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
7. (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HANOI DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
HANOI CENTER FOR DISEASE CONTROL

Địa chỉ/Address: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
Tel: 0243.773.0178 Email: khoaxetnghiem.ytdphn@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.25.150 VSC

1. Tên mẫu:
Name of sample

Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Trạm cấp nước
Đồn Thủy tại vị trí sau đồng hồ cấp cho hộ Phạm Minh Trí, địa chỉ 1C Đặng
Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm. Hà Nội

2. Tên/địa chỉ khách hàng:
Name/Address of customer

Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

3. Mô tả mẫu:

Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL

Sample description

4. Ngày nhận mẫu:

25/06/2025

Date of receiving sample

5. Người lấy/gửi mẫu:

Khoa sức khỏe môi trường - Y tế trường học

Sample taking

6. Ngày thực hiện thử nghiệm:

25/06/2025 - 30/06/2025

The dates of testing activities

7. Kết quả thử nghiệm:

Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<3
2	Escherichia coli *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<1
3	Pseudomonas aeruginosa *	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	0	<1
4	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B	CFU/100mL	0	<1

8. Nhận xét:

Remarks

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2025/Hanoi, June 30, 2025

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

ThS. Nguyễn Thành Đông

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

1.(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025

2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.

3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/

The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.

4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/

Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).

6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm đo chức năng/

This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.25.151 VSC

1. Tên mẫu/Name of sample Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Trạm cấp nước Đồng Thủy tại vị trí sau đồng hồ cấp cho hộ Nguyễn Diệu Linh, địa chỉ số 23 Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
2. Tên/địa chỉ khách hàng Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
Name/Address of customer 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
3. Mô tả mẫu/Sample description Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL
4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample 25/06/2025
5. Người lấy/gửi mẫu/ The personnel Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học
performing/sending sample(s)
6. Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates 25/06 - 26/06/2025
of testing activities
7. Kết quả thử nghiệm/Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	≤ 15
2	Mùi, vị	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		6,7	6,0 – 8,5
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,04	≤ 0,3
6	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	0,7	≤ 2
7	Chloride (Cl ⁻) (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	14,2	≤ 250
8	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	130	≤ 300
9	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
10	Mangan (Mn) (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,1
11	Sunphat (*)	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ E	mg/L	10,4	≤ 250
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,02	≤ 0,05
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	1,2	≤ 2
14	Clor dư tự do	TCVN 6225:2011	mg/L	0,6	0,2-1,0

Hà Nội, 26 tháng 06 năm 2025/ Hanoi, June 26, 2025

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐÒ CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING



ThS. Trần Văn An

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nội.
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
7. (**) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 25.06.25.151 VSC

1. Tên mẫu:
Name of sample

Mẫu nước tại vòi trên mạng lưới đường ống phân phối của Trạm cấp nước
Đồn Thủy tại vị trí sau đồng hồ cấp cho hộ Nguyễn Diệu Linh, địa chỉ số 23
Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

2. Tên/địa chỉ khách hàng:
Name/Address of customer

Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

3. Mô tả mẫu:
Sample description

Trong 02 chai nhựa x 500mL; 01 chai thủy tinh x 500mL

4. Ngày nhận mẫu:
Date of receiving sample

25/06/2025

5. Người lấy/gửi mẫu:
Sample taking

Khoa sức khỏe môi trường - Y tế trường học

6. Ngày thực hiện thử nghiệm:
The dates of testing activities

25/06/2025 - 30/06/2025

7. Kết quả thử nghiệm:
Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<3
2	Escherichia coli *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<1
3	Pseudomonas aeruginosa *	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	0	<1
4	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B	CFU/100mL	0	<1

8. Nhận xét:
Remarks

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Đông

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2025
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025

2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.

4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).

6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.